

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mầm

2. Bà Lữ Phúc Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc M, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh Lê Minh L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2014 chị và anh Lê Minh L quen biết và phát sinh tình cảm, đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận N, thành phố Cần Thơ vào năm 2018. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 giữa chị và anh L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chồng chị không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo cờ bạc, đời sống chung không hạnh phúc, chị và anh L đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay và từ đó chị phải tự lao động kiếm sống nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Nay tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Lê Minh L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Lê Minh L có 01 (một) người con chung là cháu Lê Thiên V, sinh ngày 20/01/2018, hiện cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là anh Lê Minh L được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị M. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn chị Lê Ngọc M có mặt theo triệu tập của Tòa án, bị đơn anh Lê Minh L vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được cũng như nghe ý kiến của anh L về yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa chị Lê Ngọc M và anh Lê Minh L là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lê Minh L vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc M và anh Lê Minh L tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 26/3/2018 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo trình bày của chị Lê Ngọc M thì nguyên nhân dẫn đến chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lê Minh L là do năm 2018 giữa chị và anh L phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo cờ bạc, đời sống chung không hạnh phúc, chị và anh L đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay và từ đó chị phải tự lao động kiếm sống nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Nay tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Lê Minh L. Đối với anh Lê Minh L, trong quá trình tố tụng, anh L không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị M, như vậy anh L đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với chị M. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh L đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay và cả hai đều không muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Lê Ngọc M và anh Lê Minh L có 01 (một) người con chung là cháu Lê Thiên V, sinh ngày 20/01/2018, hiện cháu đang sống với chị M. Sau khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu V còn nhỏ (chưa được 36 tháng tuổi) và đang sống ổn định với chị M nên cần giao cháu V cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc M. Chị Lê Ngọc M được ly hôn anh Lê Minh L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thiên V, sinh ngày 20/01/2018 cho chị Lê Ngọc M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Lê Minh L không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh L không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Ngọc M.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Ngọc M phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005499 ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Chị Lê Ngọc M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND phường T, quận N, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền